

Số: 24 /2015/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 17 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Dân tộc và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Các PCVP, CV KTN (Khánh);
- Trung tâm thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (D, 02b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức
của Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2015/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

CHƯƠNG I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

2. Chức năng

Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban; Trưởng, Phó phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị của Ban theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án, đầu tư phát triển - kinh tế xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống, mô hình thí điểm cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu, chỉ đạo tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc được phân công theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

14. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo hướng dẫn chung của Ủy ban Dân tộc và theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị sự

ng nghiệp công lập, cơ cấu ngạch công chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban Dân tộc: Ban Dân tộc có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

a) Trưởng ban

- Trưởng ban là người đứng đầu cơ quan, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh.

- Trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn, hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc; các chương trình, dự án và lĩnh vực an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phụ trách, chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ, tài chính, công tác cải cách hành chính, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật cán bộ công chức.

b) Phó Trưởng ban

- Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt hoặc khi cần thiết một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc về lĩnh vực kinh tế như: các chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; chỉ đạo công tác tuyên truyền các chủ chương chính sách của đảng pháp luật của nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc về lĩnh vực, văn hóa, xã hội; thực hiện công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể; nghiên cứu đề xuất các chính sách có tính đặc thù riêng.

c) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các phòng chuyên môn thuộc Ban

- Văn phòng
- Thanh tra
- Phòng Kế hoạch - Tổng hợp
- Phòng Chính sách Dân tộc
- Phòng Tuyên truyền và Địa bàn

3. Biên chế công chức của Ban Dân tộc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng nhiệm vụ, phạm vi hoạt động nằm trong tổng biên chế công chức của cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Ban

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Ban do Trưởng ban bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định hiện hành.

2. Người đứng đầu các phòng thuộc Ban chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng được giao phụ trách.

3. Cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Ban là người giúp người đứng đầu phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi người đứng đầu vắng mặt, người đứng đầu ủy nhiệm cho một cấp phó điều hành các công việc của phòng. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Ban không quá 02 người.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác đối với người đứng đầu, cấp phó

của người đứng đầu các phòng chuyên môn thuộc Ban do Trưởng ban Quyết định theo quy định.

Điều 5. Về công chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị

1. Công chức, người lao động trong các phòng thuộc Ban chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, trước Trưởng phòng, trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Biên chế công chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các phòng thuộc Ban do Trưởng ban Quyết định trong tổng biên chế công chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc Ban đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyên ngạch, bổ nhiệm vào ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, điều động khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, người lao động trong cơ quan đơn vị thuộc Ban do Trưởng ban quyết định theo phân cấp hiện hành.

4. Bố trí công tác đối với công chức, người lao động của Ban phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh công chức, theo phẩm chất năng lực, sở trường đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

5. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất, khối lượng công việc thực tế tại cơ quan, đơn vị, Trưởng ban quyết định, ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc nhiệm vụ cụ thể tại cơ quan.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Trưởng Ban Dân tộc chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên điều chỉnh, Trưởng Ban Dân tộc phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định này cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh